



Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012



Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995

Giấy chứng nhận Đầu tư số 451033000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007
451033000014 (điều chỉnh lần 1) ngày 17 tháng 4 năm 2007
451033000014 (điều chỉnh lần 2) ngày 27 tháng 8 năm 2007
451033000014 (điều chỉnh lần 3) ngày 7 tháng 5 năm 2008
451033000014 (điều chỉnh lần 4) ngày 4 tháng 6 năm 2008
451033000014 (điều chỉnh lần 5) ngày 12 tháng 10 năm 2010
451033000014 (điều chỉnh lần 6) ngày 12 tháng 11 năm 2010
451033000014 (điều chỉnh lần 7) ngày 31 tháng 12 năm 2010
451033000014 (điều chỉnh lần 8) ngày 9 tháng 5 năm 2011
451033000014 (điều chỉnh lần 9) ngày 4 tháng 6 năm 2012
451033000014 (điều chỉnh lần 10) ngày 16 tháng 7 năm 2012

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận Đầu tư số 451033000014 và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư.

Hội đồng Quản trị

Bà Huỳnh Bích Ngọc	Chủ tịch (đến ngày 12 tháng 4 năm 2012)
Bà Đặng Huỳnh Úc My	Chủ tịch (từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên (từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)
Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên (từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)
Bà Trần Quế Trang	Thành viên (từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Dương	Giám đốc Nhà máy
Ông Kumarasamy Nallaiyan	Giám đốc Nông nghiệp
Bà Trương Thị Hồng	Giám đốc Tài chính
Bà Dương Thị Tô Châu	Giám đốc Thương mại
Ông Trang Thanh Trúc	Giám đốc Đầu tư-phát triển

Trụ sở đăng ký Xã Tân Hưng
Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC VỀ CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan cho từng kỳ tài chính, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc có trách nhiệm:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- xác định rõ đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán thích hợp hay không; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, và các kết quả hoạt động kinh doanh, thay đổi vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2012



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi các cổ đông
Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2012 được trình bày từ trang 4 đến trang 51. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2012 trình bày ý kiến kiểm toán không loại trừ đối với các báo cáo tài chính này. Hơn nữa, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo soát xét phát hành ngày 9 tháng 8 năm 2011 trình bày kết luận soát xét không loại trừ đối với các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công tác kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 12-01-245



Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Hào

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2012

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.309.653.545.531	962.670.955.003
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	130.669.277.612	88.725.909.901
Tiền	111		130.669.277.612	68.725.909.901
Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10	536.770.479.242	197.364.469.849
Đầu tư ngắn hạn	121		556.468.947.610	215.622.641.095
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(19.698.468.368)	(18.258.171.246)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	298.450.086.697	393.463.482.214
Phải thu khách hàng	131		176.174.902.560	180.726.157.576
Trả trước cho người bán	132		38.563.933.736	64.976.952.413
Các khoản phải thu khác	135		83.711.250.401	148.040.363.820
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	139		-	(279.991.595)
Hàng tồn kho	140	6	325.580.815.713	280.342.522.032
Hàng tồn kho	141		325.823.372.600	280.585.078.919
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(242.556.887)	(242.556.887)
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.182.886.267	2.774.571.007
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.986.530.141	70.400.000
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.196.356.126	2.704.171.007
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.114.074.438.982	1.343.117.571.695
Tài sản cố định	220		639.511.841.582	652.896.228.436
Tài sản cố định hữu hình	221	7	578.441.391.250	572.696.054.745
Nguyên giá	222		1.611.612.103.962	1.567.028.535.911
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.033.170.712.712)	(994.332.481.166)
Tài sản cố định vô hình	227	8	43.409.462.511	43.370.687.586
Nguyên giá	228		51.212.046.019	50.462.084.019
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.802.583.508)	(7.091.396.433)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	17.660.987.821	36.829.486.105

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	471.186.912.031	684.052.285.707
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		435.754.797.123	374.530.737.123
Đầu tư dài hạn khác	258		167.867.219.784	345.860.949.540
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(132.435.104.876)	(36.339.400.956)
Tài sản dài hạn khác	260		3.375.685.369	6.169.057.552
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.399.847.188	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	1.837.789.881	6.031.009.252
Tài sản dài hạn khác	268		138.048.300	138.048.300
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.423.727.984.513	2.305.788.526.698
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		746.601.371.396	511.626.764.665
Nợ ngắn hạn	310		709.519.878.260	487.564.491.665
Vay ngắn hạn	311	13	459.527.796.370	327.803.035.686
Phải trả người bán	312		11.979.807.829	55.182.662.872
Người mua trả tiền trước	313	14	61.909.953.515	29.003.589.245
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	17.463.455.205	18.269.723.234
Phải trả người lao động	315		1.395.707.369	120.004.713
Chi phí phải trả	316	16	22.467.260.077	36.537.488.645
Các khoản phải trả khác	319	17	116.829.946.178	19.188.763.036
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	18	17.945.951.717	1.459.224.234
Vay dài hạn	330		37.081.493.136	24.062.273.000
Vay dài hạn	334	19	31.053.858.136	17.897.563.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	20	6.027.635.000	6.164.710.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		1.677.126.613.117	1.794.161.762.033
Vốn chủ sở hữu	410		1.677.126.613.117	1.794.161.762.033
Vốn cổ phần	411	21	1.419.258.000.000	1.419.258.000.000
Cổ phiếu quỹ	414	21	(172.627.053.033)	(139.395.212.895)
Quỹ đầu tư phát triển	417		60.085.099.152	4.786.442.297
Quỹ dự phòng tài chính	418		69.054.070.682	41.404.742.255
Lợi nhuận chưa phân phối	420		301.356.496.316	468.107.790.376
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.423.727.984.513	2.305.788.526.698

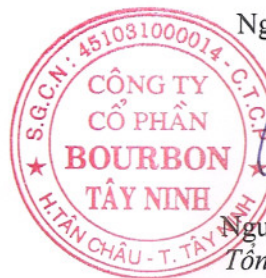
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba, hoặc nhận gia công		-	1.921.902
Nợ khó đòi đã xử lý		4.874.675.042	4.874.675.042
Ngoại tệ (USD)		225.315.429	1.241.367.336

Người lập:



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2012

Mẫu B 02 - DN

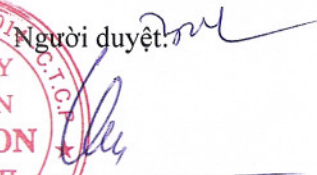
Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	
Tổng doanh thu	01	22	1.178.032.780.446	1.015.026.375.516
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	(1.313.540.095)	(638.786.935)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10	22	1.176.719.240.351	1.014.387.588.581
Giá vốn hàng bán	11	23	(926.559.647.930)	(671.537.711.405)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		250.159.592.421	342.849.877.176
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	170.001.937.925	65.527.681.760
Chi phí tài chính	22	25	(146.521.813.019)	(62.168.773.305)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(48.599.962.560)</i>	<i>(26.443.500.886)</i>
Chi phí bán hàng	24		(20.600.201.171)	(12.510.139.564)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(24.449.536.809)	(16.290.548.697)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 + 22) + (24 + 25)}	30		228.589.979.347	317.408.097.370
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		1.091.603.938	1.136.879.142
Thu nhập khác	31		1.095.064.129	5.337.069.056
Chi phí khác	32		(3.460.191)	(4.200.189.914)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		229.681.583.285	318.544.976.512
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	26	(15.125.256.282)	(19.007.649.024)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	26	(4.193.219.371)	10.801.664.615
Lợi nhuận thuần sau thuế (60 = 50 + 51 + 52)	60		210.363.107.632	310.338.992.103
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		27	1.641	2.198

Người lập:

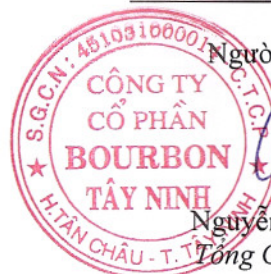


Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 02 - DN

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	1.419.258.000.000	(5.540.477.288)	4.936.442.297	24.143.137.255	346.805.553.696	1.789.602.655.960
Điều chỉnh lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	193.615.948	193.615.948
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(6.470.363.021)	-	-	-	(6.470.363.021)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	310.338.992.103	310.338.992.103
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	17.261.605.000	(41.427.852.000)	(24.166.247.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(254.254.194.000)	(254.254.194.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(150.000.000)	-	-	(150.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	1.419.258.000.000	(12.010.840.309)	4.786.442.297	41.404.742.255	361.656.115.747	1.815.094.459.990
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.419.258.000.000	(139.395.212.895)	4.786.442.297	41.404.742.255	468.107.790.376	1.794.161.762.033
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(33.231.840.138)	-	-	-	(33.231.840.138)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	210.363.107.632	210.363.107.632
Phân bổ vào các quỹ	-	-	55.298.656.855	27.649.328.427	(121.262.801.692)	(38.314.816.410)
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	(255.851.600.000)	(255.851.600.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	1.419.258.000.000	(172.627.053.033)	60.085.099.152	69.054.070.682	301.356.496.316	1.677.126.613.117

Người lập:


Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		229.681.583.285	318.544.976.512
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		40.587.106.070	38.518.081.261
Các khoản dự phòng	03		97.256.009.447	31.525.773.692
Lỗi thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		-	1.660.283.487
Thu nhập tiền lãi	05		(48.978.608.153)	(60.793.106.708)
Thu nhập cổ tức (Lãi)/lỗ từ bán các khoản đầu tư chứng khoán	05		(10.222.722.000)	(2.043.829.421)
Chi phí lãi vay	06		(110.554.905.691)	3.048.716.130
			48.599.962.560	26.443.500.886
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		246.368.425.518	356.904.395.839
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(91.756.331.820)	(221.035.322.121)
Biến động hàng tồn kho	10		(26.887.116.832)	(181.657.857.856)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác "	11		41.784.245.746	31.847.657.287
			169.509.222.612	(13.941.126.851)
Tiền lãi vay đã trả	13		(52.010.185.298)	(25.330.889.920)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(14.605.592.063)	(20.653.676.638)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15		(21.828.088.927)	(19.193.899.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		81.065.356.324	(79.119.592.638)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012****(Phương pháp gián tiếp-tiếp theo)****Mẫu B 03 - DN**

	Mã	Thuyết	Giai đoạn sáu	Giai đoạn sáu
	số	minh	tháng từ 1/1/2012	tháng từ 1/1/2011
			đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(28.602.566.404)	(8.325.961.412)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	2.307.041.263
Tiền chi các khoản vay cấp cho người trồng mía và các đơn vị khác	23		(314.727.186.400)	(145.677.093.388)
Tiền thu hồi các khoản vay cấp cho người trồng mía và các bên liên quan khác	24		104.057.071.000	9.510.280.012
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư chứng khoán	24		247.500.000.000	21.665.480.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(61.224.060.000)	(129.530.737.123)
Tiền thu từ bán khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		24.000.000.000	2.750.000.000
Thu tiền đặt cọc từ bán các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	17	112.700.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		21.225.145.709	22.536.752.445
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		104.928.403.905	(224.764.238.203)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	32		(33.231.840.138)	(6.470.363.021)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.093.941.678.414	682.565.159.450
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(949.060.622.594)	(174.493.171.000)
Tiền trả cổ tức	36		(255.699.608.200)	(253.948.710.760)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(144.050.392.518)	247.652.914.669

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp-tiếp theo)**

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		41.943.367.711	(56.230.916.172)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		88.725.909.901	126.499.741.314
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	130.669.277.612	70.268.825.142

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Khoản vay cấp cho người trồng mía dưới hình thức bán hom giống	106.992.019.400	9.506.242.500
Khoản vay cấp cho người trồng mía cần trừ với khoản phải trả người bán	-	49.301.069.502
Cần trừ khoản mua mía với khoản thu từ khoản vay cấp cho người trồng mía	18.351.176.849	6.797.477.271
Cần trừ khoản phải trả người bán với khoản vay cấp cho người trồng mía	67.426.737.804	115.814.112.602
Lãi phải thu cần trừ với khoản phải trả người bán	12.402.586.346	7.822.733.847

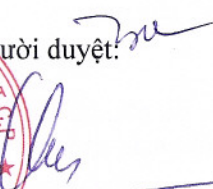
Người lập:



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn và nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008. Trụ sở chính của Công ty tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có 505 nhân viên (31/12/2011: 741 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính giữa niên độ cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

(i) Khoản vay cấp cho người trồng mía

Khoản vay cấp cho người trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng các khoản cho vay quá hạn. Các chính sách của Công ty cho việc lập dự phòng các khoản cho vay quá hạn như sau:

Khoản cho vay quá hạn	Phần trăm dự phòng
- Từ 3 tháng đến 1 năm	30%
- Từ 1 đến 2 năm	50%
- Từ 2 đến 3 năm	70%
- Trên 3 năm	100%

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này.

Phân phối kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc phân phối từ các nguồn ngoại trừ kết quả hoạt động kinh doanh sau ngày được mua lại được xem xét như khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(iii) Đầu tư vào chứng khoán và đầu tư khác

Đầu tư vào chứng khoán và đầu tư khác được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ khác	1 – 30 năm

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3-6 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(l) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(ii) Dự phòng phí bảo trì và hỗ trợ người trồng mía

Dự phòng phí bảo trì và hỗ trợ người trồng mía liên quan đến các công việc bảo trì có thể thực hiện và chi phí hỗ trợ kỹ thuật cho người trồng mía trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Việc ước tính được dựa trên kinh nghiệm, sự kiện và các ước tính tốt nhất từ Ban Giám đốc. Một điều chắc chắn rằng các thông tin và tình hình tài chính nêu trên có thể sẽ thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể tốt hơn hoặc xấu hơn so với các đánh giá đã được dùng để trình bày trong báo cáo tài chính định kỳ.

(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được dựa theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin thuyết minh về mức trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính không phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận theo phương pháp doanh thu đã xuất hóa đơn trong đó doanh thu chỉ bao gồm phần tiền đã xuất hóa đơn cho khách hàng được tính dựa trên tổng khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và các công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(w) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3. Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh là sản xuất và kinh doanh đường và phụ phẩm từ đường trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.608.725.967	1.633.626.029
Tiền gửi ngân hàng	129.060.551.645	67.092.283.872
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	130.669.277.612	88.725.909.901
	<hr/>	<hr/>

Tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm số ngoại tệ tương đương 225 triệu VND (31/12/2011: 1.241 triệu VND).

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Phi thương mại	32.869.678.106	103.004.541.665
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, chịu lãi suất 18,5% (31 tháng 12 năm 2011: 10%-18%) trên năm và có thể thu được khi có nhu cầu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 khoản phải thu với giá trị ghi sổ 176.175 triệu VND (31/12/2011: 180.446 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi phải thu từ các khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa ("BAC"), một công ty liên kết	4.619.678.106	50.754.541.665
Các khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Thành Thành Công, một cổ đông, về việc bán cổ phần của BAC	28.250.000.000	52.250.000.000
Các khoản phải thu từ bảo hiểm nhân thọ	848.473.700	725.533.000
Lãi phải thu từ người trồng mía	49.414.193.992	43.703.159.149
Khác	578.904.603	607.130.006
	83.711.250.401	148.040.363.820

Biến động của dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong kỳ như sau::

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	279.991.595	480.225.243
Tăng dự phòng trong kỳ	-	3.247.744.984
Chuyển sang dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(279.991.595)	-
Số dư cuối kỳ	-	3.727.970.227

6. Hàng tồn kho

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên vật liệu	32.453.270.779	57.968.034.089
Công cụ và dụng cụ	174.291.594	367.967.223
Sản phẩm dở dang	13.396.587.395	25.434.395.776
Thành phẩm	258.599.572.554	196.814.681.831
Hàng hóa	21.199.650.278	-
	325.823.372.600	280.585.078.919
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(242.556.887)	(242.556.887)
	325.580.815.713	280.342.522.032

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 325.581 triệu VND (31/12/2011: 280.343 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	275.022.523.147	1.209.729.966.697	15.623.042.989	7.829.156.931	58.823.846.147	1.567.028.535.911
Tăng trong kỳ	-	1.290.769.727	1.143.300.000	203.188.709	-	2.637.258.436
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.260.582.335	31.814.477.280	5.871.250.000	-	-	41.946.309.615
Số dư cuối kỳ	279.283.105.482	1.242.835.213.704	22.637.592.989	8.032.345.640	58.823.846.147	1.611.612.103.962
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	126.300.153.826	798.596.163.799	8.994.668.148	6.998.000.520	53.443.494.873	994.332.481.166
Khấu hao trong kỳ	4.935.801.431	31.171.385.086	1.085.385.097	187.645.592	1.458.014.340	38.838.231.546
Số dư cuối kỳ	131.235.955.257	829.767.548.885	10.080.053.245	7.185.646.112	54.901.509.213	1.033.170.712.712
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	148.722.369.321	411.133.802.898	6.628.374.841	831.156.411	5.380.351.274	572.696.054.745
Số dư cuối kỳ	148.047.150.225	413.067.664.819	12.557.539.744	846.699.528	3.922.336.934	578.441.391.250

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 164.444 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 160.189 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 315.450 triệu VND (31/12/2011: 313.330 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	47.483.754.819	2.978.329.200	50.462.084.019
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	749.962.000	749.962.000
Số dư cuối kỳ	47.483.754.819	3.728.291.200	51.212.046.019
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	4.555.200.148	2.536.196.285	7.091.396.433
Khấu hao trong kỳ	521.028.347	190.158.728	711.187.075
Số dư cuối kỳ	5.076.228.495	2.726.355.013	7.802.583.508
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	42.928.554.671	442.132.915	43.370.687.586
Số dư cuối kỳ	42.407.526.324	1.001.936.187	43.409.462.511

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 4.155 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (31/12/2011: 2.713 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 các tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 42.408 triệu VND (31/12/2011: 42.929 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	36.829.486.105	17.734.245.747
Tăng trong kỳ	23.527.773.331	7.122.292.720
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(41.946.309.615)	(13.763.465.978)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(749.962.000)	-
Số dư cuối kỳ	17.660.987.821	11.093.072.489

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

10. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2012			31/12/2011				
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
(a) Đầu tư dài hạn								
Đầu tư vốn dài hạn tại các công ty liên kết:								
▪ Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (i)	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (ii)	6.815.148	22,72%	22,72%	129.530.737.123	6.815.148	22,72%	22,72%	129.530.737.123
▪ Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà (iii)	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000	-	-	-	-
				435.754.797.123				374.530.737.123
Các khoản đầu tư dài hạn khác								
▪ Khoản vay cấp cho một công ty liên quan (iv)				100.000.000.000				100.000.000.000
▪ Đầu tư vào chứng khoán				-				136.945.094.309
▪ Khoản vay cấp cho người trồng mía (v)				66.742.791.060				107.751.926.507
▪ Các khoản đầu tư dài hạn khác				1.124.428.724				1.163.928.724
				167.867.219.784				345.860.949.540
				603.622.016.907				720.391.686.663
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(132.435.104.876)				(36.339.400.956)
				471.186.912.031				684.052.285.707

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
(b) Đầu tư ngắn hạn		
Khoản vay cấp cho một công ty liên quan (iv)	172.413.450.921	90.000.000.000
Khoản vay cấp cho người trồng mía (v)	383.715.547.041	125.264.146.888
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	339.949.648	358.494.207
	<hr/> 556.468.947.610	<hr/> 215.622.641.095
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(19.698.468.368)	(18.258.171.246)
	<hr/> 536.770.479.242	<hr/> 197.364.469.849

- (i) Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (“Bourbon An Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của Bourbon An Hòa tại ấp An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu công nghiệp và cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng.

Công ty đã thế chấp tất cả cổ phần của Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa cho Ngân hàng Bảo Việt - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng cấp cho Bourbon An Hòa.

- (ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 450300000501 ngày 13 tháng 6 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất, mua bán cồn; kinh doanh bất động sản; dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

Công ty đã thế chấp tất cả cổ phần của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN**

- (iii) Trong kỳ, Công ty đã mua 2.040.802 cổ phiếu (24,89%) của Công ty Cổ phần Mía đường La Ngà (“Đường La Ngà”). Đường La Ngà được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000. Trụ sở chính của Đường La Ngà tại Km35, Đường cao tốc 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất đường, bánh kẹo, cồn, rượu, chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh, chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp, sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp, chế biến thức ăn gia súc, trồng trọt và chăn nuôi gia súc, xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi, sản xuất và cung cấp giống cây, sản xuất nước sạch, điện, sản xuất và kinh doanh đồ trang trí nội thất và đồ gỗ, sửa chữa, sản xuất, sửa chữa và mua bán các sản phẩm cơ khí, mua bán vật liệu xây dựng ngành nông nghiệp và công nghiệp.
- (iv) Các khoản vay này phản ánh các khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa, một công ty liên kết, không được đảm bảo và chịu lãi suất 18,5% trên năm (2011: 10%-18,5% trên năm).
- (v) Các khoản vay cấp cho người trồng mía được đảm bảo một phần bằng quyền sử dụng đất và thu lãi từ 8%-13,5% trên năm (2011: 8%-13,5% trên năm). Khoản vay được thu hồi theo từng kỳ giải ngân trong thời hạn vay 4 năm.

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	18.258.171.246	24.012.199.578	36.339.400.956	3.971.763.284
Tăng dự phòng trong kỳ	1.160.305.527	5.180.000.000	103.057.012.395	26.550.124.536
Chuyển từ dự phòng các khoản phải thu khó đòi	279.991.595	-	-	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(3.388.096.028)	(6.961.308.475)	(63.999.800)
Số dư cuối kỳ	19.698.468.368	25.804.103.550	132.435.104.876	30.457.888.020

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN**

Biến động đầu tư dài hạn vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	374.530.737.123	249.800.000.000
Tăng đầu tư trong kỳ	61.224.060.000	129.530.737.123
Số dư cuối kỳ	435.754.797.123	379.330.737.123

Các khoản đầu tư sau được dự kiến sẽ nắm giữ cho mục đích kinh doanh:

	30/6/12	
	Số lượng	VND
Các công cụ vốn chủ sở hữu		
- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa	24.500.000	245.000.000.000
	24.500.000	245.000.000.000

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	2.799.694.378	504.055.581
Phân bổ trong kỳ	(1.399.847.190)	-
Số dư cuối kỳ	1.399.847.188	504.055.581

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN****12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	24.255.689	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	3.540.981.774
Dự phòng trợ cấp thôi việc	356.942.696	15.357.250
Chi phí phải trả	1.456.591.496	2.952.165.098
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.837.789.881	6.508.504.122
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	(20.023.365)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(401.851.876)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	(55.619.629)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(477.494.870)
	1.837.789.881	6.031.009.252

13. Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	452.889.454.370	324.971.693.686
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19)	6.638.342.000	2.831.342.000
	459.527.796.370	327.803.035.686

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất trên năm	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn:				
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	VND	16,5%	36.219.949.719	111.977.987.762
• Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	VND		-	75.000.000.000
• Ngân hàng TNHH Hong Leong (ii)	VND	16,5% - 17%	12.715.786.500	57.430.000.000
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND		-	50.000.000.000
• Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (iii)	VND	15% - 16%	108.000.000.000	24.000.000.000
• Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (iii)	USD	4,3%	70.681.500.000	-
• Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	VND	13% - 16%	20.000.000.000	5.000.000.000
• Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)(v)	VND	11,75% -12%	134.319.518.151	1.563.705.924
• Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)(v) "	USD	4,45%	70.952.700.000	-
			<hr/>	
			452.889.454.370	324.971.693.686
Vay dài hạn đến hạn trả: (Thuyết minh 19)			6.638.342.000	2.831.342.000
			<hr/>	
			459.527.796.370	327.803.035.686
			<hr/>	

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 247.500 triệu VND (năm kết thúc 31/12/2011: 247.500 triệu VND). Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 133.147 triệu VND (năm kết thúc 31/12/2011: 124.888 triệu VND).
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (năm kết thúc 31/12/2011: 60.000 triệu VND). Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 501.756 triệu VND (năm kết thúc 31/12/2011: 460.789 triệu VND).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 8 triệu USD (năm kết thúc 31/12/2011: 8 triệu USD). Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Dự Án Espace Bourbon Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 34.107 triệu VND và các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 176.175 triệu VND (năm kết thúc 31/12/2011: quyền sử dụng đất của Dự án Espace Bourbon Tây Ninh: 34.470 triệu VND và các khoản phải thu: 180.446 triệu VND).
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20.000 triệu VND (năm kết thúc 31/12/2011: 20.000 triệu VND). Khoản vay được đảm bảo bằng 1.900 tấn đường tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 26.178 triệu VND (năm kết thúc 31/12/2011: 25.489 triệu VND).
- (v) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 triệu USD (năm kết thúc 31/12/2011: 3 triệu USD). Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 501.756 triệu VND (năm kết thúc 31/12/2011: 460.789 triệu VND).

14. Người mua trả tiền trước

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (*)	28.275.350.000	23.344.200.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Thành Thành Công để mua mặt	7.750.000.000	951.702.400
Người mua trả tiền trước	25.884.603.515	4.707.686.845
	<hr/>	<hr/>
	61.909.953.515	29.003.589.245

- (*) Đây là khoản tạm ứng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại 217-219 Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Hợp đồng này dự kiến hoàn tất vào năm 2013.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN****15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.557.537.801	8.037.873.582
Thuế thu nhập cá nhân	-	205.549.822
Thuế giá trị gia tăng	8.905.917.404	10.026.299.830
	<hr/>	<hr/>
	17.463.455.205	18.269.723.234

16. Chi phí phải trả

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự phòng phí bảo trì và hỗ trợ người trồng mía	14.291.477.594	26.986.689.250
Phí vận chuyển và xếp dỡ	3.515.584.200	1.941.409.660
Chi phí lãi vay	1.664.205.266	5.074.428.004
Phép năm chưa được chi trả	1.489.318.150	1.227.157.930
Khác	1.506.674.867	1.307.803.801
	<hr/>	<hr/>
	22.467.260.077	36.537.488.645

17. Phải trả khác

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Ký quỹ cho hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (i)	112.700.000.000	-
Phải trả cho Trung tâm Nghiên cứu và Sản xuất mía	1.200.000.000	1.200.000.000
Phải trả cho người trồng mía	544.409.585	16.795.279.245
Cổ tức phải trả	619.531.510	467.539.710
Khác	1.766.005.083	725.944.081
	<hr/>	<hr/>
	116.829.946.178	19.188.763.036

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN**

- (i) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 29 tháng 5 năm 2012, Công ty đồng ý chuyển nhượng 24.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa, cho Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh (“Công ty Đặng Huỳnh”) với tiền mặt ước tính 112,7 tỷ VND. Giao dịch này dự kiến hoàn tất trong vòng một năm kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản này phản ánh 100% ký quỹ của Công ty Đặng Huỳnh cho hợp đồng này.

Bao gồm trong khoản phải trả khác có khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản phi thương mại phải trả các công ty liên quan khác	619.531.510	467.539.710

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	1.459.224.234	552.841.239
Tăng trong kỳ	38.314.816.410	24.166.247.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(21.828.088.927)	(19.043.899.229)
Số dư cuối kỳ	17.945.951.717	5.675.189.010

19. Vay dài hạn

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	37.692.200.136	20.728.905.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	(6.638.342.000)	(2.831.342.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	31.053.858.136	17.897.563.000

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất trên năm	Năm đáo hạn	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn không được đảm bảo					
• Công ty TNHH Một thành viên Đường Tây Ninh (i)	VND	4,62%	2012-2020	19.090.734.000	20.283.905.000
Vay dài hạn được đảm bảo					
• Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (ii)	VND	20,52%	2012-2016	13.864.466.136	445.000.000
• Quỹ Đầu tư và Phát triển Tây Ninh (iii)	VND	11,4%	2012-2016	4.737.000.000	-
				37.692.200.136	20.728.905.000

- (i) Khoản vay không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VND (31/12/2011: 36.000 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 được hoàn trả trong 16 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.193 triệu VND và kỳ hoàn trả cuối cùng sẽ trả 1.193 triệu VND vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
- (ii) Khoản vay có hạn mức tối đa là 16.000 triệu VND (31/12/2011: Không). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 được hoàn trả trong 5 kỳ hàng năm bằng nhau, mỗi kỳ trả 3.200 triệu VND và kỳ hoàn trả cuối cùng sẽ trả 3.200 triệu VND vào tháng 12 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 32.156 triệu VND.
- (iii) Khoản vay có hạn mức tối đa là 5.000 triệu VND (31/12/2011: Không). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 được hoàn trả trong 18 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 263 triệu VND và kỳ hoàn trả cuối cùng sẽ trả 266 triệu VND vào tháng 12 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bởi Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh với giá trị ghi sổ là 2.500 triệu VND.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

20. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu kỳ	6.164.710.000
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(137.075.000)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	6.027.635.000
	<hr/>

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã đóng 227 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 2011: 157 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành-Mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	141.925.800	1.419.258.000.000	141.925.800	1.419.258.000.000
Cổ phiếu quỹ-Mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(14.000.000)	(140.000.000.000)	(11.344.100)	(113.441.000.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành-Mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	127.925.800	1.279.258.000.000	130.581.700	1.305.817.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 9 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức tương đương 255.851 triệu VND, từ lợi nhuận chưa phân phối.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012		Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	130.581.700	1.279.862.787.105	141.252.330	1.413.717.522.712
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	(2.655.900)	(33.231.840.138)	(606.050)	(6.470.363.021)
Số dư cuối kỳ	127.925.800	1.246.630.946.967	140.646.280	1.407.247.159.691

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	139.395.212.895	5.540.477.288
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	33.231.840.138	6.470.363.021
Số dư cuối kỳ	172.627.053.033	12.010.840.309

Trong kỳ, Công ty đã quyết định mua lại 2.655.900 cổ phiếu quỹ từ các cổ đông là các cá nhân với giá từ 12.004 đến 13.956 một cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ được mua lại vào tháng 1 và 2 năm 2012.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán đường	1.015.286.162.880	892.315.004.066
▪ Bán mật	37.275.963.430	77.400.205.701
▪ Bán điện	28.409.340.600	29.156.086.830
▪ Bán phân bón	84.915.359.707	6.312.000.381
▪ Khác	12.145.953.829	9.843.078.538
	<hr/>	<hr/>
	1.178.032.780.446	1.015.026.375.516
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(1.313.540.095)	(638.786.935)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.176.719.240.351	1.014.387.588.581

23. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Giá vốn đường	777.088.284.904	558.117.294.450
Giá vốn mật	36.264.636.713	77.643.135.595
Giá vốn điện	23.400.749.442	28.768.747.668
Giá vốn phân bón	78.264.834.659	6.312.000.381
Khác	11.541.142.212	696.533.311
	<hr/>	<hr/>
	926.559.647.930	671.537.711.405

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lãi từ các khoản vay cấp cho người trồng mía	19.846.147.684	41.706.271.165
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	4.351.774.991	15.537.501.052
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	24.780.685.478	3.549.334.491
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	2.507.333.722
Cổ tức	10.222.722.000	999.600.160
Lãi từ các khoản đầu tư vào đơn vị đồng kiểm soát	-	1.044.229.261
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	245.702.081	63.411.909
Lãi từ bán các khoản đầu tư chứng khoán	110.554.905.691	-
Khác	-	120.000.000
	170.001.937.925	65.527.681.760

25. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí lãi vay	48.599.962.560	26.443.500.886
Dự phòng đầu tư ngắn hạn và dài hạn	97.256.009.447	30.785.362.430
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	268.155.739	11.071.972
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	3.048.716.130
Khác	397.685.273	1.880.121.887
	146.521.813.019	62.168.773.305

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

26. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí thuế hiện hành	15.125.256.282	19.007.649.024
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	4.193.219.371	(10.801.664.615)
Chi phí thuế thu nhập	19.318.475.653	8.205.984.409

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	229.681.583.285	318.544.976.512
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22.968.158.329	31.854.497.651
Ưu đãi thuế	(4.944.859.102)	(15.927.248.825)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau	3.685.759.326	899.157.519
Chi phí không được khấu trừ thuế	165.097.600	-
Thu nhập không bị tính thuế	(2.555.680.500)	(249.900.040)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận trước đây	-	(8.370.521.896)
Chi phí thuế thu nhập	19.318.475.653	8.205.984.409

Theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2012, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2012 do hoạt động của Công ty thỏa mãn điều kiện về doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến nông sản.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, theo các điều khoản trong trong giấy phép đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2004) và giảm 50% thuế thu nhập trong bốn năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

27. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 210.363 triệu VND (30 tháng 6 năm 2011: 310.339 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 128.176.793 cổ phiếu (30 tháng 6 năm 2011: 141.208.302), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	210.363.107.632	310.338.992.103

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	130.581.700	141.252.330
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại	(2.404.907)	(44.028)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	128.176.793	141.208.302

28. Cổ tức

Cuộc họp của Ban Giám đốc của Công ty vào ngày 9 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 255.851 triệu VND (2.000 VND) trên một cổ từ lợi nhuận thuần của năm 2011.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

29. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(ii) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(*)	129.060.551.645	87.092.283.872
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(**)	259.886.152.961	328.486.529.801
Khoản vay cấp cho người trồng mía	(***)	430.759.869.733	214.757.902.149
Khoản vay cấp cho công ty liên quan	(****)	272.413.450.921	190.000.000.000
		<hr/>	<hr/>
		1.092.120.025.260	820.336.715.822

(*) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

() Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu đảm bảo của khách hàng cho mỗi đơn đặt hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	30/6/2012	31/12/2011 VND
Chưa quá hạn	259.886.152.961	328.486.529.801

Không có khoản phải thu nào bị giảm giá trọng yếu tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2012.

(*) Khoản vay cấp cho người trồng mía**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản vay cấp cho người trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản cho vay tương ứng. Khoản cho vay được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Người nông dân có số dư cho vay quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản cho vay mới.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản cho vay chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản cho vay như sau:

	30/6/2012	31/12/2011 VND
Chưa quá hạn	425.657.418.762	213.782.577.519
Quá hạn trên 180 ngày	5.102.450.971	975.324.630

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(**) Khoản vay cấp cho công ty liên quan**

Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản cho vay này và không cho rằng các công ty liên quan này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Các khoản vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	459.527.796.370	469.148.442.432	469.148.442.432	-	-	-
Phải trả người bán	11.979.807.829	11.979.807.829	11.979.807.829	-	-	-
Phải trả người lao động	1.395.707.369	1.395.707.369	1.395.707.369	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.129.946.178	4.129.946.178	4.129.946.178	-	-	-
Chi phí phải trả	22.467.260.077	22.467.260.077	22.467.260.077	-	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.463.455.205	17.463.455.205	17.463.455.205	-	-	-
Các khoản vay dài hạn						
Vay dài hạn	31.053.858.136	41.824.724.103	4.871.634.358	9.239.760.902	20.135.205.752	7.578.123.091
	548.017.831.164	568.409.343.193	531.456.253.448	9.239.760.902	20.135.205.752	7.578.123.091

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tiền tệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần, số dư các khoản này được trình bày bằng đồng tiền gốc là USD:

	USD
Tiền và các khoản tương tiền	10.818
Vay ngắn hạn	(6.780.000)
	<hr/>
	(6.769.182)
	<hr/> <hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 30/6/2012
USD1	20.890
	<hr/>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2012:

	Ảnh hưởng trên lãi thuần tại 30/6/2012 VND
USD (mạnh thêm 10%) – giảm lợi nhuận thuần	(8.908.717.473)
	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	832.233.872.299	491.850.186.021
Nợ phải trả tài chính	19.090.734.000	20.283.905.000
	<hr/>	<hr/>
	851.324.606.299	512.134.091.021
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	471.490.920.506	325.416.693.686
	<hr/>	<hr/>
	471.490.920.506	325.416.693.686
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, vay ngắn hạn và dài hạn trị giá 471.491 triệu VND chịu lãi suất thả nổi. Hiện tại Công ty không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của biến động lãi suất. Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm lợi nhuận thuần Công ty sẽ giảm 2.486 triệu VND.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị hợp lý tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012. Những chính sách sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, vay ngắn hạn và các khoản phải trả khác

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

Khoản cho vay dài hạn

Các kỹ thuật định giá được áp dụng bao gồm các phân tích tham số thị trường và phân tích dòng tiền chiết khấu sử dụng dòng tiền tương lai ước tính và tỷ lệ chiết khấu liên quan đến thị trường, ước tính là 12% mỗi năm. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ đã được ghi nhận.

Khoản vay

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán, ước tính là 15% mỗi năm.

Giá trị hợp lý của khoản vay, cùng với các giá trị ghi sổ tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Thuyết minh	30/6/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Một thành viên Đường Tây Ninh	19.090.734.000	14.034.486.856
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	13.864.466.136	13.864.466.136
Quỹ Đầu tư và Phát triển Tây Ninh	4.737.000.000	4.737.000.000
	<hr/>	<hr/>
	37.692.200.136	32.635.952.992

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN***Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và chứng khoán nợ*

Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

		30/6/2012	
	Thuyết minh	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa	(i)	112.700.000.000	112.700.000.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	(ii)	129.530.737.123	124.035.693.600
Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà	(iii)	61.224.060.000	61.224.060.000
		303.454.797.123	297.959.753.600

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa được xác định bằng giá hợp đồng theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh dự kiến sẽ hoàn tất trong năm 2013 (xem Thuyết minh 17).
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xác định bằng cách tham chiếu giá thị trường tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.
- (iii) Công ty Cổ Phần Mía Đường La Ngà (“Đường La Ngà”) là một công ty chưa niêm yết và có một ích lợi nhuận trong kỳ. Công ty đã không xác định giá trị hợp lý cho khoản đầu tư này cho việc công bố thông tin theo quy định tại điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành bởi vì (i) giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho khoản đầu tư này, và (ii) Hệ thống kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc xác định giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	26.963.526.095	138.456.373.983
Mua đường thô	-	100.000.000.000
Bán cổ phiếu BAC	-	55.000.000.000
Thu tiền từ bán cổ phiếu BAC	24.000.000.000	2.750.000.000
Lãi phải thu	4.692.566.667	3.549.334.491
Lãi phải trả	1.799.875.000	-
Cho vay	98.000.000.000	-
Ứng tiền mua mật	37.750.000.000	-
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa		
Lãi cho vay	20.088.118.811	14.379.646.666
Thu nợ gốc	-	8.652.000.000
Cho vay	82.413.450.921	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa		
Nhận cổ tức	10.222.722.000	-
Công ty TNHH Đặng Thành		
Bán cổ phiếu La Ngà	6.900.000.000	-
Bán hàng hóa	-	29.540.249.997
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.355.676.000	466.097.000

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN****31. Cam kết****(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	124.742.865.232	82.425.530.394
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng (*)	46.636.125.842	58.551.973.875
	<hr/> 171.378.991.074	<hr/> 140.977.504.269

- (*) Trong khoản cam kết vốn đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng bao gồm 11.915 triệu VND cam kết vốn phải trả cho Tập đoàn Toàn Thịnh Phát cho việc xây dựng Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại 217-219 đường 30/4, phường 2, tỉnh Tây Ninh. Công trình xây dựng dự kiến hoàn tất trong năm 2013.

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	502.800.447	983.740.006
	<hr/> 502.800.447	<hr/> 983.740.006

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	848.758.027.621	605.245.361.468
Chi phí nhân công	41.443.114.400	26.163.861.414
Chi phí khấu hao	40.587.106.070	38.518.081.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.032.005.584	12.473.485.447
Chi phí khác	12.789.132.235	17.937.610.076

33. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày kỳ hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	31/12/2011 (phân loại lại) VND	31/12/2011 (theo báo cáo trước đây) VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn	215.622.641.095	137.329.389.791
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(18.258.171.246)	(12.363.877.320)
Trả trước cho người bán	64.976.952.413	93.512.540.679
Các khoản phải thu khác	148.040.363.820	238.040.363.820
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	100.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	345.860.949.540	222.792.324.644
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(36.339.400.956)	(42.233.694.882)
Vay ngắn hạn	(327.803.035.686)	(327.358.035.686)
Phải trả người bán	(55.182.662.872)	(72.356.374.938)
Vay dài hạn	(17.897.563.000)	(18.342.563.000)

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày kỳ hiện thời, chi tiết như sau:

	31/12/2011 (phân loại lại) VND	31/12/2011 (theo báo cáo trước đây) VND
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	(79.119.592.638)	(131.855.320.835)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	(224.764.238.203)	(172.028.510.006)

Người lập:



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2012